TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ X, sinh năm 2002; nơi cư trú: Ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn C, sinh năm 2001; nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2024, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X trình bày: Vào năm 2021, giữa chị X với bị đơn là anh Phạm Tuấn C xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do anh C

không chăm lo cho gia đình. Do đó, chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị X với anh C có 01 con chung tên Phạm Thị Phương N, sinh ngày 12/5/2022, hiện nay cháu N do chị X đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2024, bị đơn anh Phạm Tuấn C trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Tuấn C với chị Lê Thị Mỹ X là có đăng ký kết hôn; anh chị có một con chung tên Phạm Thị Phương N; việc chị X yêu cầu ly hôn thì anh C không đồng ý; trường hợp Toà án cho ly hôn thì anh C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Về hôn nhân có đăng ký kết hôn; có một con chung tên Phạm Thị Phương N, hiện nay do chị X đang nuôi dưỡng, không ai có yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, không có.

Tình tiết, sự kiện các bên không thống nhất: Về ly hôn và nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Mỹ X với anh Phạm Tuấn C được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao cho chị X nuôi dưỡng, anh C chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập đến. Án phí chị X phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Tuấn C, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; anh C có địa chỉ cư trú tại ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: "*Ly hôn,*

tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Vào ngày 22/4/2024 chị Lê Thị Mỹ X có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; anh Phạm Tuấn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2021, giữa chị Lê Thị Mỹ X với anh Phạm Tuấn C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 13/10/2021, chị Lê Thị Mỹ X với anh Phạm Tuấn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; thời điểm chị X với anh C đăng ký kết hôn thì anh chị đã đủ điều kiện về đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; theo chị X thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chăm lo cho gia đình; theo biên bản xác minh ngày 28/5/2024 thì mâu thuẫn giữa anh chị là do anh C không quan tâm, chăm lo cho gia đình; từ khi anh chị ly thân cho đến nay, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mẫu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn của chị X là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị X với anh C có 01 con chung tên Phạm Thị Phương N, sinh ngày 12/5/2022. Theo đơn khởi kiện chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng; quá trình giải quyết vụ án, anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phương N và không yêu cầu cấp dưỡng; xét thấy cháu P Nghi chưa đủ 03 tuổi, các bên đều tranh chấp việc nuôi dưỡng con chung; tuy nhiên, chị X đang nuôi dưỡng con chung mà các bên không thoả thuận được về việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án tiếp tục giao cháu Phương N cho chị X nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng; đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, anh C chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị X có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện của chị X và bản tự khai ngày 30/5/2024 của anh C; chị X và anh C khẳng định về tài sản chung và nợ chung không có, nên không đề cập đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị X là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị X phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Mỹ X với anh Phạm Tuấn C được ly hôn.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Phạm Thị Phương N, sinh ngày 12/5/2022 cho chị Lê Thị Mỹ X nuôi dưỡng. Anh Phạm Tuấn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị Mỹ X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008645, ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị X đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vĩnh Trung, h. Vị Thủy (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng